

KẾT QUẢ KINH DOANH

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 5,000 VNĐ | | |
| 31/12/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -2.0% | - | - |

| | | |
|----------|------|--------|
| DT thuần | 2024 | YoY |
| 1,425 | | ▼ 63.0 |
| tỷ VNĐ | | ▼ 4.2% |

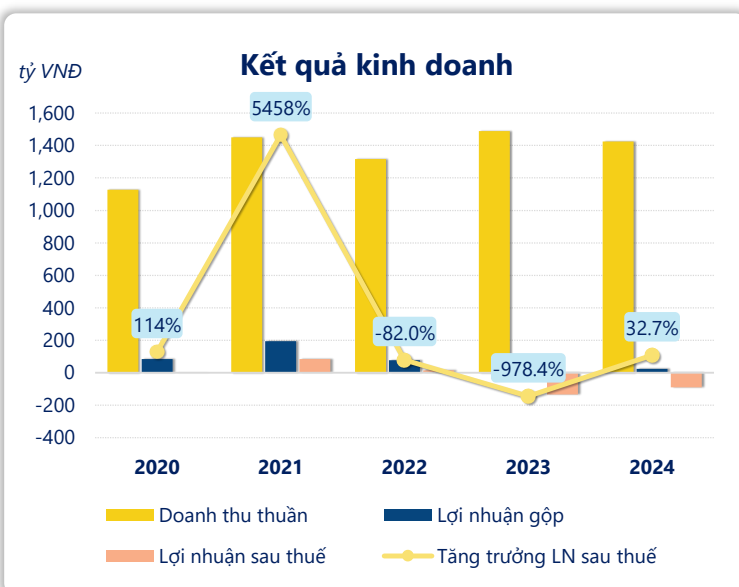
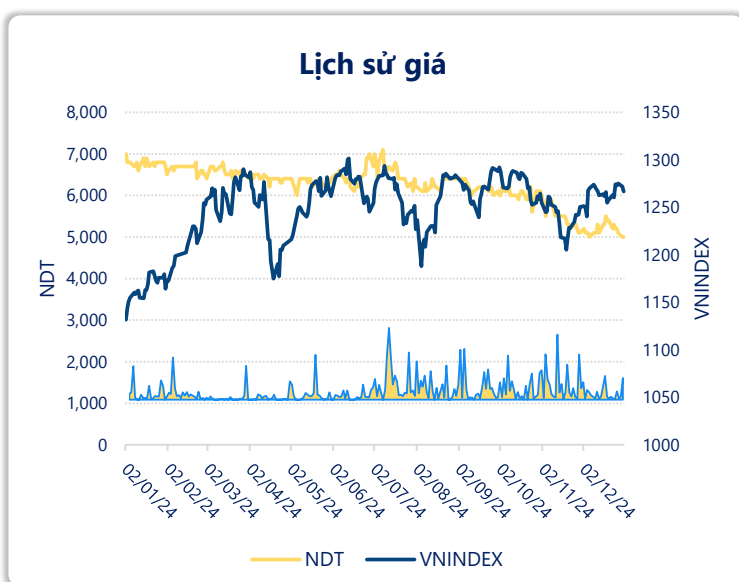
| | | |
|--------|------|--------|
| LN góp | 2024 | YoY |
| 24.3 | | ▲ 47.5 |
| tỷ VNĐ | | ▲ 205% |

| | | |
|----------|------|---------|
| LN thuần | 2024 | YoY |
| -91.8 | | ▲ 41.2 |
| tỷ VNĐ | | ▲ 31.1% |

| | | |
|-------------|------|---------|
| LN sau thuế | 2024 | YoY |
| -89.5 | | ▲ 43.5 |
| tỷ VNĐ | | ▲ 32.7% |

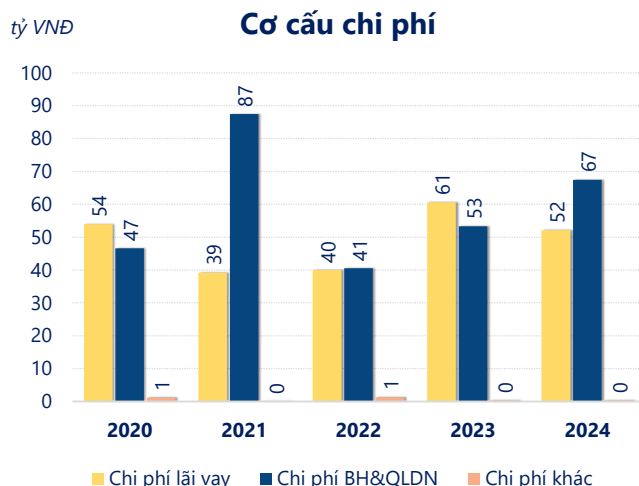
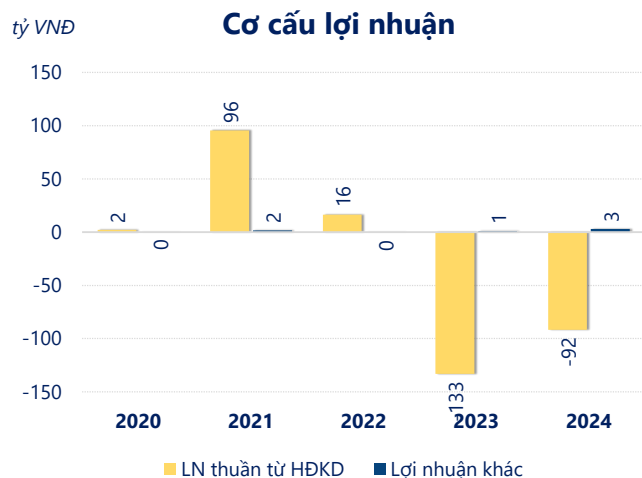
| | | |
|--------|------|---------|
| ROE | 2024 | +/- YoY |
| -78.4% | | ▼ 19.5% |

| | | |
|-------|------|---------|
| ROA | 2024 | +/- YoY |
| -8.6% | | ▲ 2.5% |



Kết quả kinh doanh **NDT** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **1,425** tỷ đồng **giảm 4.22%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 32.7%** đạt **-89.52** tỷ đồng.

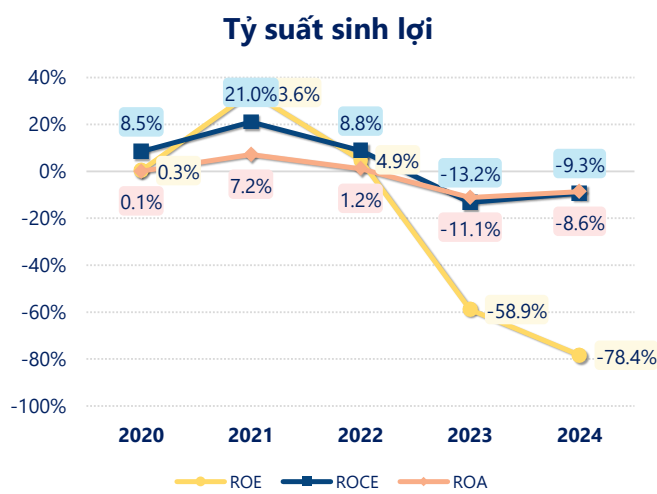
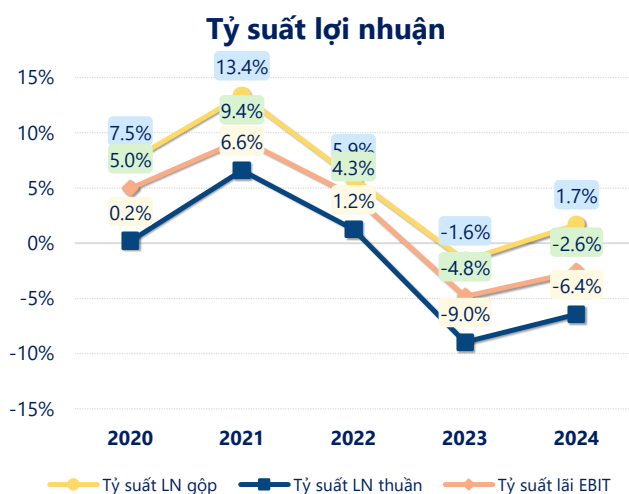
Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng **-78.4%** là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.



Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **NDT** năm **2024 tăng lên 41.48** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 91.81 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 133.3 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **52.16** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **67.46** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.34** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của NDT năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-78.4%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



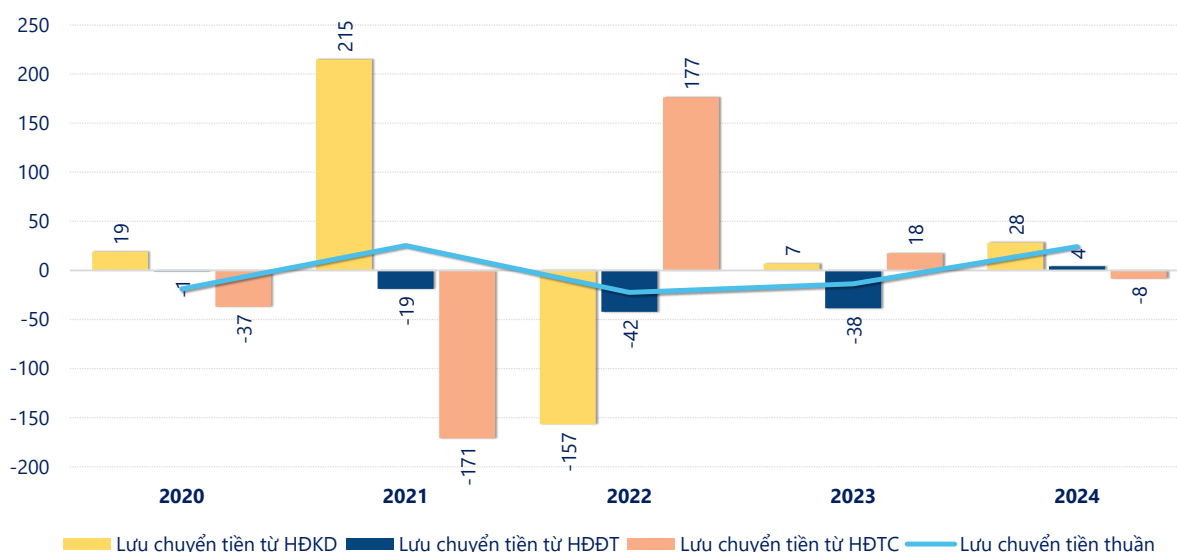
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

| | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần | 1,128 | 1,451 | 1,317 | 1,488 | 1,425 |
| Giá vốn hàng bán | 1,044 | 1,257 | 1,239 | 1,511 | 1,401 |
| Lợi nhuận gộp | 84.3 | 194 | 77.3 | -23.2 | 24.3 |
| Doanh thu HĐTC | 19.7 | 26.2 | 49.4 | 36.5 | 31.6 |
| Chi phí TC | 65.8 | 48.2 | 83.8 | 96.8 | 82.7 |
| Chi phí lãi vay | 54.0 | 39.2 | 40.0 | 60.7 | 52.2 |
| LN trong công ty LKLD | 10.6 | 10.8 | 14.0 | 3.57 | 2.41 |
| Chi phí bán hàng | 11.8 | 20.7 | 21.8 | 14.6 | 18.9 |
| Chi phí QLDN | 34.9 | 66.7 | 18.7 | 38.7 | 48.6 |
| LN thuần từ HĐKD | 2.09 | 95.5 | 16.4 | -133 | -91.8 |
| Lợi nhuận khác | -0.01 | 1.53 | -0.34 | 0.97 | 2.86 |
| LN trước thuế | 2.08 | 97.1 | 16.1 | -132 | -89.0 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.51 | 83.9 | 15.1 | -133 | -89.5 |
| LNST của CĐ cty mẹ | 0.70 | 82.7 | 14.2 | -133 | -88.9 |

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của NDT bằng **24.23** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-13.68 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **28.38** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **4.24** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-8.39** tỷ đồng.